



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 138/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 22/01/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI EUROPLAST LONG AN Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An.	
2. Địa chỉ kiểm tra: <i>Place of inspecting:</i>	PTN - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: <i>Type of inspecting:</i>	Sào thao tác cao thế/ <i>High voltage insulation pole</i>	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 thiết bị/ <i>01 Devices</i> ; Di động ngoài công trường/ <i>Mobile off-site</i>	
5. Phương pháp kiểm tra: <i>Method of inspecting:</i>	ETSC/KĐ/QT-06; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 9628-1:2013; TCVN 5587:2008 (IEC 60855:1985); Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	20+21/01/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	HS-175-4
	Số chế tạo / <i>Seri No</i>	102942
	Điện áp sử dụng/ <i>AC. Use voltage:</i>	110 kV
	Chiều dài/ <i>Length:</i>	5.100mm
	Tiết diện/ <i>Section:</i>	(41+38+34+30)mm ²
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	03/2019
8. Phương tiện kiểm tra: <i>Inspecting equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; HZXC-10HZJ.	
	9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	
10. Kết quả kiểm tra: <i>Inspecting result:</i>	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
	11. Tem kiểm tra: <i>Testing stamp No:</i>	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	66/25/ETSC	
	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ <i>The inspection criteria are consistent with the regulations</i>	
13. Thời hạn kiểm tra lần sau: <i>Next test date</i>	01/2026	

Người Thực Hiện
Executor

Trần Văn Minh

Trần Văn Minh



Nguyễn Quốc Hoàn





PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT

Ngày/ Date: 22/01/2025
Trang/ Page: 2/2

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition: Bình thường/ Normal

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ Length	mm	5.100	5.100
2	Đường kính/ Diameter			
	- Đoạn 1/ Line 1	mm	41	41,16
	- Đoạn 2/ Line 2	mm	38	38,20
	- Đoạn 3/ Line 3	mm	34	34,18
	- Đoạn 4/ Line 4	mm	30	30,12

10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ Before trying so high (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ After trying so high (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vỏ (Case)	> 50 000	> 50 000	Đạt/ Pass

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vỏ (Case)	100kV/30cm	5	Chịu được/ Pass	Không phóng điện/ No discharge inspection